

Bản án số: 122/2021/HN&GD-ST

Ngày 04/5/2021.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Vân.

Ông Lê Bình Quyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị L, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn K, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2021, bản tự khai, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn chị Mai Thị L như sau:

Tôi kết hôn với anh K vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện cưới có đăng ký kết hôn do UBND xã T cấp. Sau khi cưới xong tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian,

cho đến năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K sa vào con đường nghiện ngập, tôi và gia đình đã động viên nhiều lần nhưng anh ấy không bỏ được và thường xuyên đánh đập tôi, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tôi đã phải về bên ngoại ở, hiện nay vợ chồng sống ly thân. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Văn K.

Tôi không còn tình cảm với anh K nữa, anh K sa vào con đường nghiện ngập. Cuối năm 2019 tôi đã đưa anh K đi cai nghiện 6 tháng xong trở về anh K vẫn tiếp tục nghiện ngập và đánh đập tôi nhiều lần, bản thân tôi không chịu đựng được nên phải về nhà ngoại ở, anh K còn đe dọa giết tôi và tôi cũng đã có đơn gửi đến Công an xã giải quyết. Nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh K càng sớm càng tốt để tôi yên tâm làm ăn nuôi con.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Lan A, sinh ngày 02/8/2010 và Lê Thị Như Q, sinh ngày 30/10/2015, nguyện vọng tôi xin được nuôi cháu Lê Thị Như Q, còn cháu Lê Thị Lan A sẽ ở với anh K và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Tài sản vợ chồng tôi không có tài sản chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 03/3/2021 và biên bản hòa giải ngày 05/3/2021 của bị đơn anh Lê Văn K như sau:

Tôi và cô L kết hôn vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện cưới có đăng ký kết hôn do UBND xã T cấp. Sau khi cưới xong tình cảm vợ chồng sống bình thường cho đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cãi cọ xung đột trong gia đình, tôi có nóng tính, hai bên lời qua tiếng lại mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cô L bỏ về nhà ngoại ở, hai bên gia đình đã giàn xếp nhưng không được, vợ chồng hiện nay sống ly thân. Nay cô L làm đơn ly hôn tôi, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn có thể hàn gắn được, tôi mong cô L tha thứ để vợ chồng đoàn tụ nuôi con.

Tôi có nghiện ma túy và đi cai nghiện về, hiện nay tôi đã bỏ ma túy nên mong cô L hãy tha thứ cho tôi để tôi sửa chữa, nếu một thời gian mà tôi không thay đổi được thì lúc đó cô L ly hôn thì tôi đồng ý.

Về con: Chúng tôi có 02 con chung như cô L trình bày là đúng, nếu phải ly hôn thì tôi xin được nuôi cháu Lê Thị Lan A.

Về tài sản và công nợ: Tài sản vợ chồng tôi không có tài sản chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 30/3/2021 với Ủy ban nhân dân xã T: Chị Mai Thị L kết hôn với anh Lê Văn K vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Vợ chồng có 02 con chung, hiện nay chị L về nhà bố mẹ đẻ ở có đem theo cháu thứ 2 là Lê Thị Như Q, còn cháu Lê Thị Lan A hiện nay đang ở với anh K. Hiện tại ở địa phương anh K là lao động tự do, anh K có một thời gian có sử dụng ma túy theo anh K trình bày, anh đã đi cai nghiện tự nguyện và hoàn thành thời gian cai nghiện về nhà. Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh K phía địa phương không nắm rõ, chỉ biết hiện nay chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Mai Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn K và đề nghị được nuôi con, nuôi cháu Lê Thị Như Q, không yêu cầu anh K cấp dưỡng; tài sản và công nợ không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị L; cho chị Mai Thị L được ly hôn anh Lê Văn K; về con công nhận chị L và anh K có 02 con chung là Lê Thị Lan A, sinh ngày 02/8/2010 và Lê Thị Như Q, sinh ngày 30/10/2015, ly hôn giao cho mỗi bên trực tiếp nuôi 01 cháu, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí chị L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Mai Thị L và anh Lê Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Chị L làm đơn ly hôn với lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K nghiện ma túy, thường xuyên đánh đập chị, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị đã phải về bên ngoại ở, hiện nay vợ chồng sống ly thân; anh K cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn có thể hàn gắn được, mong chị L tha thứ để vợ chồng đoàn tụ nuôi con. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, chị L nhờ hai bên gia đình đã giàn xếp nhưng không

được cũng không có kết quả; anh K có nghiện chất ma túy, đã đi tập trung cai nghiện nhưng theo chị L thì anh K vẫn không từ bỏ được con đường nghiện ngập, nêu mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh K luôn đe dọa, chị L phải nhờ đến Công an can thiệp, cụ thể ngày 01/3/2021 chị L đã làm đơn gửi Công an xã; quá trình giải quyết vụ án Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh K vắng mặt, như vậy anh cũng không tha thiết vợ chồng đoàn tụ và cũng không có biện pháp dàn xếp để vợ chồng đoàn tụ. Do đó về tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh K không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét giải quyết cho chị L và anh K ly hôn là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[2] Về con: Chị L và anh K có 02 con chung là Lê Thị Lan A, sinh ngày 02/8/2010 và Lê Thị Như Q, sinh ngày 30/10/2015, nguyện vọng của chị L được nuôi cháu Lê Thị Như Q; anh K có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Thị Lan A, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét nguyện vọng của hai bên nuôi con là chính đáng, vợ chồng có hai con chung nên giao cho mỗi bên trực tiếp nuôi một cháu và chấp nhận theo yêu cầu của hai bên nên giao cháu Lê Thị Lan A cho anh Khải nuôi dưỡng, cháu Lê Thị Như Q giao cho chị L nuôi dưỡng. Do mỗi bên nuôi một cháu nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, anh K vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã hai lần tổng đạt hợp lệ nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chi Mai Thị L được ly hôn anh Lê Văn K.

2. Về con: Chị Mai Thị L và anh Lê Văn K có 02 con chung là Lê Thị Lan A, sinh ngày 02/8/2010 và Lê Thị Như Q, sinh ngày 30/10/2015. Giao cho chị Mai Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Như Q; anh Lê Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Lan A; hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị L và anh K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí: Chị Mai Thị L chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa theo biên lai thu số AA/0010276 ngày 22/02/2021 (Chị Mai Thị L đã thi hành xong).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Bình Quyền

Đỗ Thị Vân

Nguyễn Ngọc Thắng